

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO KĨ NĂNG MỀM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Nguyễn Thu Trang¹ và Nguyễn Tú Linh^{*2}

¹K68CLC, Khoa Địa lí, Đại học Sư phạm Hà Nội,

²Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của đất nước, kĩ năng mềm của nhân lực ngày càng được đánh giá cao. Đối với SV sư phạm, kĩ năng mềm không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập mà còn mang lại giá trị to lớn đối với quá trình phát triển sự nghiệp nhà giáo trong tương lai. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng, nhu cầu đào tạo kĩ năng mềm cho SV sư phạm từ đó đề xuất một số giải pháp cho việc thực hiện Chương trình đào tạo 2019 của trường Đại học Sư phạm. Tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra xã hội học để khảo sát 103 SV Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) chủ yếu là SV năm thứ ba và năm thứ tư (khóa 69 và 68). Kết quả cho thấy SV đã có được những kĩ năng mềm cơ bản nhưng mức độ thành thạo giữa các nhóm SV và giữa các nhóm kĩ năng không đồng đều.

Từ khóa: phát triển kĩ năng mềm, kĩ năng mềm của SV sư phạm.

1. Mở đầu

Kĩ năng mềm là thuật ngữ đề cập đến những khả năng cần thiết của con người, không liên quan đến kiến thức chuyên môn, không bị giới hạn trong một lĩnh vực cụ thể nhưng có thể đào tạo được nhằm giúp con người sống hạnh phúc và linh hoạt trong thế giới luôn thay đổi. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã đưa ra yêu cầu về chuẩn đầu ra cho sinh viên (SV) gồm có các kĩ năng mềm cơ bản là: kĩ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, ... [1]. Bộ phát triển nguồn nhân lực và kĩ năng Canada (Human Resources and Skills Development Canada), Ủy ban Thư ký về rèn luyện các kĩ năng cần thiết (The Secretary's Commission on Achieving Necessary Skills-SCANS) thuộc Bộ Lao động Mỹ,... cũng đưa ra những yêu cầu cụ thể về kĩ năng mềm cho lao động và coi đó là nền tảng của sự thành công trong nghề nghiệp [2].

Thực trạng kĩ năng mềm của sinh viên được nhiều tác giả quan tâm và nghiên cứu theo từng chuyên ngành cụ thể. Pereira, Orlando P. khẳng định rằng SV rất nhạy cảm với kĩ năng mềm và các kĩ năng thường xuyên thực hiện tốt là kĩ năng tự chủ, các kĩ năng xã hội và tình cảm [3]. Nghiên cứu của R. de Villiers về kĩ năng mềm của SV khối ngành kinh tế cũng cho thấy SV cần được rèn luyện kĩ năng giao tiếp, kĩ năng thuyết trình kinh doanh và các kĩ năng cá nhân khác để bổ sung cho các kĩ năng nghề nghiệp nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu phức tạp [4]. Đối với kĩ năng mềm của SV sư phạm, Fernandes tổng hợp từ các nghiên cứu chuyên sâu đã kết luận rằng, cần phát triển kĩ năng giao tiếp, hợp tác và phản xạ cho SV để trở thành giáo viên giỏi [5].

Ngày nhận bài: 21/3/2022. Ngày sửa bài: 29/3/2022. Ngày nhận đăng: 10/4/2022.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Tú Linh. Địa chỉ e-mail: linhnt@hnue.edu.vn

Đào tạo kỹ năng mềm được coi là yêu cầu quan trọng đối với các trường đại học nhằm tạo ra lực lượng lao động có năng lực làm việc hiệu quả. Các phương pháp đào tạo thông qua thực hành, trải nghiệm và vận dụng đã được chứng minh là giúp SV phát triển kỹ năng mềm một cách nhanh chóng và bền vững [6], [7]. Các nghiên cứu thực nghiệm của Keevy.M và Rao.M.S cho thấy việc phát triển kỹ năng mềm cho SV nên tuân tự từng bước, từng kỹ năng để đạt hiệu quả cao nhất [8], [9]. Dù cách tiếp cận khác nhau nhưng các tác giả đều cho rằng cần đào tạo kỹ năng mềm cho SV thông qua thực hành cụ thể.

Ở Việt Nam, nghiên cứu phát triển kỹ năng mềm cho SV được quan tâm từ sớm và thực sự trở thành một xu hướng cấp thiết trong những năm gần đây. Bức tranh thực trạng kỹ năng mềm của SV các trường đại học được khắc họa rõ nét và đa dạng. Đối với SV các ngành kinh tế, các em đã nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm nhưng chưa biết phương pháp rèn luyện hợp lý. SV được đào tạo các kỹ năng mềm cơ bản chưa có nhiều cơ hội rèn luyện để biến kỹ năng thành kỹ xảo [10], [11], [12]. Đối với SV sư phạm, các nghiên cứu cho thấy SV có thể khá thuần thục ở một vài kỹ năng nhưng đa phần còn khó khăn, lúng túng khi thực hành [13]. Mức độ thành thạo kỹ năng mềm của SV nhìn chung còn chưa cao [14]. Các trường đại học trong nước đã và đang thực hiện đào tạo kỹ năng mềm cho SV nhưng mức độ khác nhau và do đó, hiệu quả đạt được ở các nhóm SV cũng khác nhau. Có thể thấy thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của SV rất khác nhau giữa các trường và do đó, cần có nghiên cứu cụ thể thực trạng vấn đề này ở từng trường đại học để có thể xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp và đạt hiệu quả cao. Trường ĐHSPHN là trường đại học trọng điểm về đào tạo ngành sư phạm của cả nước nên việc đánh giá tính hiệu quả của mô hình đào tạo kỹ năng mềm cho SV hiện nay và đề xuất một số giải pháp đóng góp cho chương trình đào tạo kỹ năng mềm của trường hiện nay là rất cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chương trình giáo dục kỹ năng mềm của Trường đại học Sư phạm Hà Nội

Chương trình giáo dục kỹ năng mềm trên thế giới rất đa dạng nhưng có ba mô hình chính sau:

- *Mô hình độc lập*: Mô hình này sử dụng khóa học kỹ năng mềm riêng, cụ thể nhằm đào tạo và tạo cơ hội cho SV phát triển các kỹ năng mềm cần thiết. SV được khuyến khích học một số khóa bổ sung để có thể tích lũy thành các khóa học phụ khác, song song với chương trình ban đầu đã đăng ký.

- *Mô hình lồng ghép*: Mô hình này lồng ghép các nội dung đào tạo kỹ năng mềm cùng với chương trình đào tạo chuyên môn khác. Các hoạt động giảng dạy, học tập chính và lồng ghép được lên kế hoạch cụ thể và có các chiến lược và phương pháp dạy, học riêng. Kết quả học tập bao gồm cả đánh giá về kỹ năng mềm và đánh giá về chuyên môn.

- *Mô hình kết hợp*: Mô hình này tập trung vào đào tạo chuyên môn đồng thời với các chương trình đào tạo kỹ năng mềm. Chương trình và hoạt động có thể được chia thành hai kiểu: chương trình hỗ trợ học thuật (kỹ năng học tập, ngoại ngữ,...) và chương trình hỗ trợ phi học thuật (hình thức đồng giáo trình và đồng học thêm).

Mỗi mô hình có thể mạnh riêng và phù hợp với từng điều kiện, từng đối tượng người học cụ thể. Một số cơ sở đào tạo đã kết hợp các mô hình trên để có được hiệu quả cao nhất.

Chương trình giáo dục kỹ năng mềm của Trường ĐHSPHN được xây dựng theo mô hình lồng ghép và mô hình kết hợp. SV được rèn luyện các kỹ năng mềm trong khi thực hiện các hoạt động học tập; đồng thời cũng được tiếp cận với các chương trình hỗ trợ học tập và hoạt động tập thể. Khối học vẫn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm chuyên ngành với 35 tín chỉ có vai trò rõ rệt nhất trong việc phát triển các kỹ năng mềm cho SV. Khối học văn này được triển khai dựa trên nguyên tắc:

- Phù hợp với mô hình đào tạo tiếp cận năng lực, thống nhất, chuẩn hóa và liên thông.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra, đặc biệt là các tiêu chí về năng lực dạy học, năng lực giáo dục.
- Tạo không gian chung trong đào tạo nghiệp vụ sư phạm: Tâm lý giáo dục học, Khoa học giáo dục, Phương pháp dạy học và thực hành nghề.
- Bám sát thực tiễn dạy học ở trường phổ thông; tăng cường thực hành theo hướng dạy nghề (từ thực hành thao tác đến kỹ năng thành phần, kỹ năng tổng hợp; từ thực hành một phần đến toàn bộ bài học; từ môi trường mô phỏng đến môi trường thực).
- Tham chiếu chương trình môn học trong Chương trình GDPT 2018.
- Có độ mở để triển khai các nội dung phù hợp với đặc thù dạy học môn học. Tùy theo từng ngành cụ thể, phân phối thời lượng cho các nội dung trong một học phần có thể khác nhau.

Bảng 1. Bảng kỹ năng mềm có thể được đào tạo theo các học phần

Học phần	Kỹ năng nhận thức					Kỹ năng xã hội							Kỹ năng quản lý bản thân							
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Rèn luyện NVSP thường xuyên (COMM 001)	x	x				x	x		x		x	x			x			x	x	x
Giao tiếp SP (PSYC 104)		x		x		x	x		x		x	x			x				x	x
Thực tập SP 1 (COMM013)	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
Thực tập SP 2 (COMM014)	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

1. Tự đánh giá, 2. Tư duy tích cực, 3. Tư duy sáng tạo, 4. Giải quyết vấn đề, 5. Hoạch định mục tiêu cuộc đời, 6. Thuyết trình, 7. Thuyết phục, 8. Thủ lĩnh nhóm, 9. Làm việc nhóm, 10. Tổ chức hoạt động, 11. Động viên và chia sẻ, 12. Thiết lập quan hệ xã hội, 13. Thích ứng, 14. Vượt qua áp lực, 15. Quản lý cảm xúc, 16. Quản lý thời gian, 17. Quản lý tài chính, 18. Tự học và học suốt đời, 19. Tìm kiếm và xử lý thông tin, 20. Xây dựng và thể hiện sự tự tin.

Các hoạt động tập thể kết hợp có thể hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm cho SV khá đa dạng, như: SV nghiên cứu khoa học, các cuộc thi tài năng, sáng tạo, chương trình tình nguyện, dạy học, trải nghiệm hướng nghiệp,...

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm cho SV sư phạm, tác giả tiến hành điều tra bằng bảng hỏi trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2021. Sử dụng một phiếu khảo sát online đăng lên trang Facebook chung của khóa 69 và 68 (SV năm thứ 3 và năm thứ 4), tác giả đã thu thập được 103 phản hồi, trong đó khóa 68: 31 SV, khóa 69: 72 SV. Số SV tham gia khảo sát là những người thực sự quan tâm đến việc phát triển kỹ năng mềm và kết quả thu được là đáng tin cậy.

Nghiên cứu này sử dụng khung kỹ năng mềm cho SV sư phạm của Huỳnh Văn Sơn [13] vì đây là những kỹ năng cần thiết cho SV sư phạm trong quá trình học tập cũng như giảng dạy sau này. Các câu hỏi tập trung vào 2 nội dung chính là thực trạng thực hiện các kỹ năng mềm của SV sư phạm thông qua mức độ thường xuyên biểu hiện tốt các chỉ báo của từng kỹ năng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của SV. Tác giả cũng đặt ra một số câu hỏi về mức độ quan tâm, hiểu biết của SV với 20 kỹ năng mềm cần thiết cho SV sư phạm để có thể đánh giá, kiểm chứng mức độ chính xác của các câu hỏi chính. Để phân tích, lý giải thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm cho SV sư phạm, tác giả đã phỏng vấn sâu bằng bảng hỏi với 7 SV (lựa chọn ngẫu nhiên) trong nhóm 103 SV đã tham gia trả lời phiếu khảo sát.

Các dữ liệu thu thập được xử lý và phân tích bằng phần mềm Excel. Tác giả đã thống kê các câu trả lời và vẽ biểu đồ để trực quan hóa số liệu.

2.3. Các kết quả nghiên cứu

2.3.1. Mức độ quan tâm, hiểu biết về kỹ năng mềm của sinh viên Trường ĐHSPHN

Qua phản hồi của 103 SV, mức độ hiểu biết về các kỹ năng mềm được thể hiện như sau (Bảng 2):

Bảng 2. Mức độ quan tâm, hiểu biết theo từng kỹ năng mềm

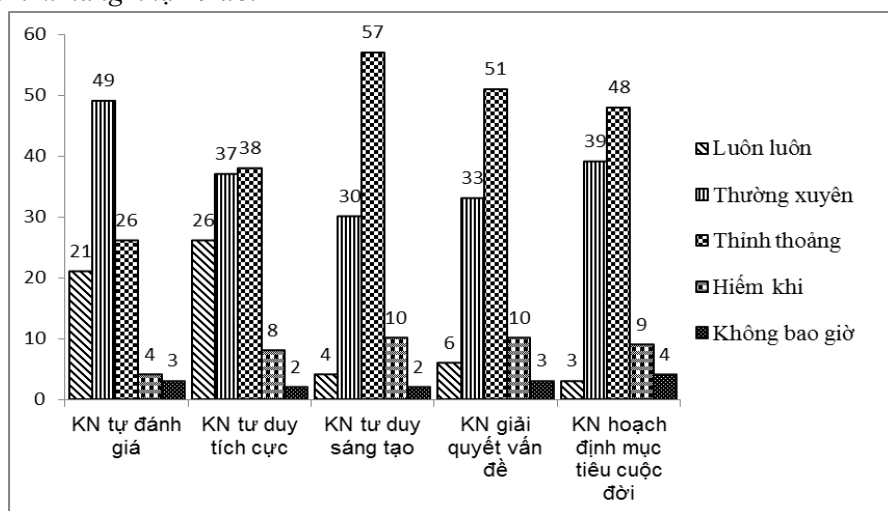
STT	Kỹ năng	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)
	<i>Nhóm kỹ năng nhận thức</i>		
1	Kỹ năng tự đánh giá	73	70,9
2	Kỹ năng tư duy tích cực	57	55,3
3	Kỹ năng tư duy sáng tạo	60	58,3
4	Kỹ năng giải quyết vấn đề	74	71,8
5	Kỹ năng hoạch định mục tiêu cuộc đời	40	38,8
	<i>Nhóm kỹ năng xã hội</i>		
6	Kỹ năng thuyết trình	74	71,8
7	Kỹ năng thuyết phục	39	37,9
8	Kỹ năng thu lĩnh nhóm	35	34
9	Kỹ năng làm việc nhóm	78	75,7
10	Kỹ năng tổ chức hoạt động	54	52,4
11	Kỹ năng động viên và chia sẻ	45	43,7
12	Kỹ năng thiết lập quan hệ xã hội	45	43,7
	<i>Nhóm kỹ năng quản lý bản thân</i>		
13	Kỹ năng thích ứng	58	56,3
14	Kỹ năng vượt qua áp lực	51	49,5
15	Kỹ năng quản lý cảm xúc	62	60,2
16	Kỹ năng quản lý thời gian	55	53,4
17	Kỹ năng quản lý tài chính	55	53,4
18	Kỹ năng tự học và học suốt đời	52	50,5
19	Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin	61	59,2
20	Kỹ năng xây dựng và thể hiện sự tự tin	38	36,9

SV Trường ĐHSHPN có ý thức cao trong việc tìm hiểu các kỹ năng mềm, đặc biệt các kỹ năng liên quan đến quá trình học tập. Một số kỹ năng nhận được sự quan tâm rất lớn của SV là: làm việc nhóm (75,7%), giải quyết vấn đề, thuyết trình (71,8%) và tự đánh giá (70,9%). Đây là những kỹ năng mềm cơ bản và SV đã được rèn luyện nhiều trong quá trình học tập tại trường. SV cũng tự tin có nhiều hiểu biết về những kỹ năng này. Ngược lại, SV ít quan tâm và có hiểu biết về một số kỹ năng kỹ năng chuyên sâu: thủ lĩnh nhóm (34%), xây dựng và thể hiện sự tự tin (36,9%).

Điều đáng quan tâm là một số kỹ năng mềm thuộc cùng nhóm nhưng nhận được sự quan tâm của SV rất chênh lệch. Kỹ năng thuyết trình có tới 71,8% SV quan tâm, trong khi kỹ năng thuyết phục chỉ có 37,9%. Kỹ năng làm việc nhóm có 75,7% SV quan tâm còn kỹ năng thủ lĩnh nhóm là 34%. Tương tự, kỹ năng giải quyết vấn đề có 71,8%, còn kỹ năng hoạch định mục tiêu cuộc đời chỉ 38,8% SV quan tâm. Điều này cho thấy SV mới chỉ có những nhận thức nền tảng mà chưa tìm hiểu thật sâu sắc về các kỹ năng mềm. SV cũng mới quan tâm đến những kỹ năng mềm cơ bản chứ chưa hiểu biết nhiều về những kỹ năng có tính chuyên sâu. Do vậy, để việc phát triển kỹ năng mềm cho SV đạt hiệu quả cao hơn, cần tăng cường hiểu biết của SV và tạo cơ hội cho SV trải nghiệm tất cả các kỹ năng mềm.

2.3.2. Thực trạng đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Nhóm kỹ năng nhận thức:

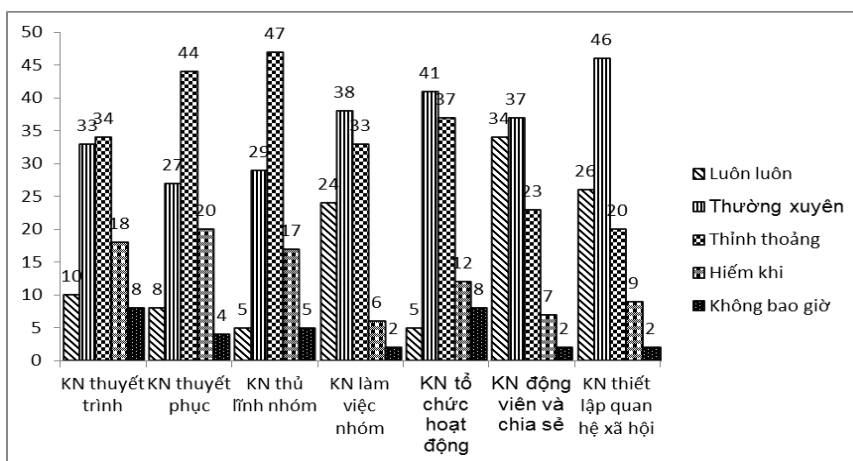


Hình 1. Biểu đồ mức độ thường xuyên biểu hiện tốt nhóm kỹ năng nhận thức

Nhóm kỹ năng nhận thức bao gồm 5 kỹ năng mềm. SV nhận thấy các em thường xuyên thành thạo kỹ năng tự đánh giá và kỹ năng tư duy tích cực. Mặc dù kỹ năng giải quyết vấn đề được nhiều SV quan tâm tìm hiểu nhưng tỉ lệ thường xuyên biểu hiện tốt chưa cao. Điều này đòi hỏi SV cần được tạo ra các cơ hội để thực hành các kỹ năng mềm. Kỹ năng hoạch định cuộc đời được SV tìm hiểu ít và mức độ thành thạo thấp. Đối với đa số SV, đây là kỹ năng hoàn toàn mới mẻ, chưa có hiểu biết và trải nghiệm thực tiễn. Điều này sẽ gây nhiều khó khăn cho SV khi ra trường tìm việc làm và quá trình phát triển nghề nghiệp sau này.

- Nhóm kỹ năng xã hội.

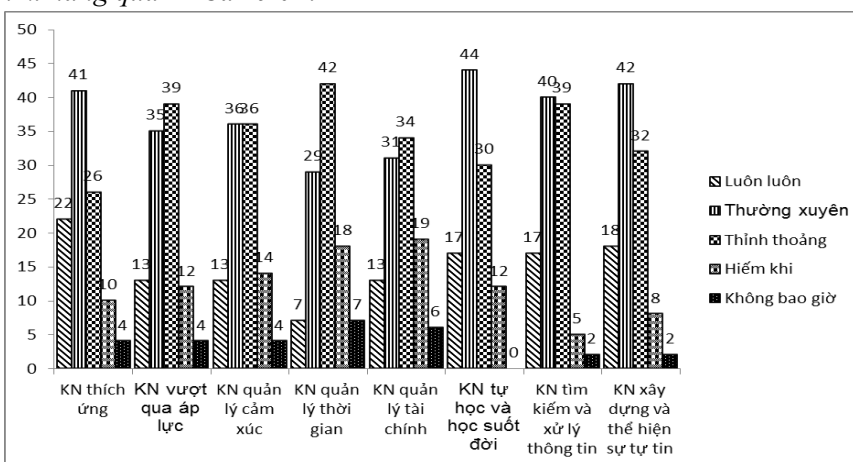
Nhóm kỹ năng xã hội bao gồm 7 kỹ năng mềm và mức độ thường xuyên thực hiện tốt khá cao. Kỹ năng động viên và chia sẻ có mức độ thực hiện được cao nhất và SV cho rằng đây là kỹ năng các em thường xuyên vận dụng trong cuộc sống nên khá thành thạo. Mức độ biểu hiện tốt kỹ năng thuyết trình tương đối cao tuy nhiên kỹ năng thuyết phục lại thấp, điều này chứng tỏ SV có kỹ năng nói nhưng chưa có khả năng làm thay đổi thái độ, niềm tin, hành động của người nghe.



Hình 2. Biểu đồ mức độ thường xuyên biểu hiện tốt nhóm kỹ năng xã hội

SV có kỹ năng làm việc nhóm cao nhưng kỹ năng thủ lĩnh nhóm lại tương đối thấp, chủ yếu là do SV đa phần có năng lực, tinh thần làm việc tốt nhưng chưa tự tin và chưa có khả năng lãnh đạo. Kỹ năng thiết lập quan hệ xã hội của SV khá tốt nhưng SV cũng thừa nhận quan hệ xã hội của các em vẫn còn ở phạm vi hẹp do đó, cần trau dồi thêm.

- Nhóm kỹ năng quản lý bản thân.



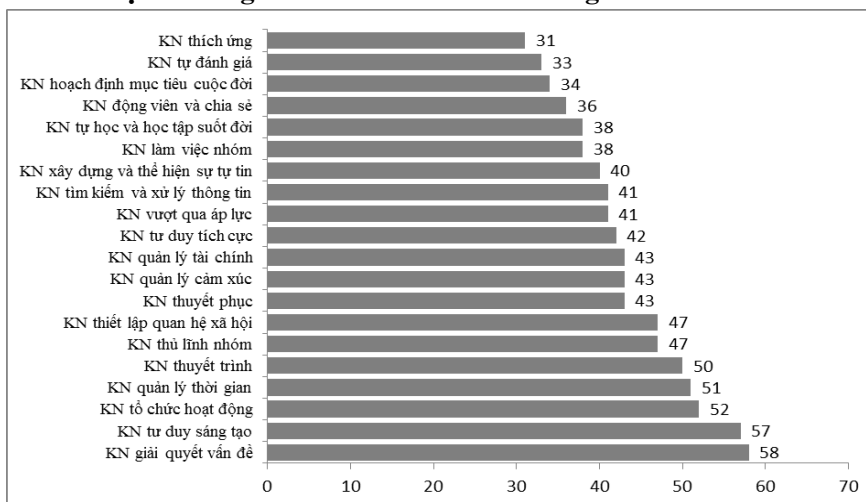
Hình 3. Biểu đồ mức độ thường xuyên biểu hiện tốt nhóm kỹ năng quản lý bản thân

Nhóm kỹ năng quản lý bản thân bao gồm 8 kỹ năng mềm. Kỹ năng thích ứng được biểu hiện tốt nhất, cho thấy SV có khả năng nhanh chóng thích nghi với môi trường mới. Kỹ năng vượt qua áp lực và kỹ năng quản lý cảm xúc có mức độ thực hiện tốt khá cao và các SV được phỏng vấn cho biết đây là hai kỹ năng mới mẻ với họ nhưng quan trọng đối với công việc dạy học trong tương lai. Kỹ năng quản lý thời gian và quản lý tài chính có mức độ thành thạo tương đối thấp và phần lớn SV không tự tin vào hai kỹ năng này. Kỹ năng tự học và học suốt đời là kỹ năng duy nhất mà tất cả số SV trả lời đều tự tin có thể thực hiện được, tuy nhiên SV chỉ tự tin với ý thức tự học và vẫn gặp khó khăn trong việc lựa chọn phương pháp tự học hiệu quả.

Như vậy, điểm tích cực trong việc rèn luyện kỹ năng mềm của SV Trường ĐHSPTN là các em đã quan tâm và có những hiểu biết nhất định về các kỹ năng mềm. Mức độ thành thạo các nhóm kỹ năng của SV không đồng đều. Đa số SV tự tin và thành thạo với các kỹ năng cơ bản, kỹ năng liên quan đến học tập hoặc được thực hành nhiều trong quá trình học tập. Các kỹ năng quản

lí bản thân và kĩ năng liên quan đến nghề nghiệp dù được đánh giá là rất quan trọng nhưng các em chưa thành thạo và cần được thực hành nhiều hơn.

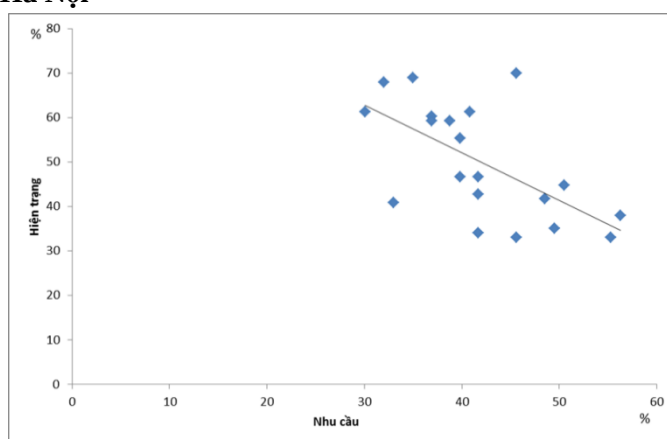
2.3.3. Nhu cầu đào tạo kĩ năng mềm của sinh viên Trường ĐHSPHN



Hình 4. Biểu đồ nhu cầu đào tạo kĩ năng mềm của SV trường ĐHSPHN

Qua 103 phiếu trả lời của SV Trường ĐHSPHN về nhu cầu đào tạo kĩ năng mềm, có thể thấy nhu cầu đào tạo các kĩ năng mềm khá chênh lệch. Điều này phù hợp thực tế khi mức độ thành thạo các kĩ năng mềm của SV không đều nhau. Kĩ năng có nhu cầu đào tạo cao nhất là kĩ năng giải quyết vấn đề (58 phiếu, 44,6%). Đây cũng là kĩ năng được SV rất quan tâm tìm hiểu nhưng thực hiện chưa tốt. Kĩ năng thích ứng có nhu cầu đào tạo thấp nhất mặc dù SV chưa có nhiều hiểu biết cũng như chưa thực hiện tốt. Nguyên nhân là do SV cho rằng các em có thể tự học, tự rèn luyện kĩ năng này và nên dành thời gian cho các kĩ năng khác thiết thực hơn. Các kĩ năng có nhu cầu đào tạo cao (trên 50 phiếu) như kĩ năng tư duy sáng tạo, kĩ năng tổ chức hoạt động, kĩ năng quản lý thời gian và kĩ năng thuyết trình đều là những kĩ năng cần thiết cho công việc dạy học. Điều này chứng tỏ SV năm thứ ba và năm thứ tư của Trường ĐHSPHN rất có ý thức rèn luyện các kĩ năng mềm phục vụ nghề nghiệp sau này.

2.3.4. Mối quan hệ giữa thực trạng và nhu cầu đào tạo kĩ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



Hình 5 Biểu đồ thể hiện tương quan giữa mức độ thành thạo và nhu cầu đào tạo kĩ năng mềm

Mối quan hệ tương quan giữa mức độ thành thạo và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm là mối quan hệ tỉ lệ nghịch. Các kỹ năng có mức độ thành thạo càng cao thì nhu cầu đào tạo càng thấp và ngược lại. Mối quan hệ đó được thể hiện chặt chẽ tại tất cả 20 kỹ năng mềm mà đề tài đưa ra. Điều này cho thấy SV có ý thức phát triển nghề nghiệp cao và mong muốn được đào tạo những kỹ năng bản thân còn yếu và cần thiết cho công việc. Tuy nhiên, một số kỹ năng có mức độ thành thạo chưa cao nhưng nhu cầu đào tạo lại thấp như kỹ năng hoạch định mục tiêu cuộc đời, vượt qua áp lực và quản lý cảm xúc chủ yếu là do SV chưa có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của những kỹ năng trên hoặc cho rằng có thể tự rèn luyện các kỹ năng này.

Điểm quan trọng có thể nhận thấy là những kỹ năng có mức độ thành thạo cao thường là những kỹ năng đã được rèn luyện trong quá trình thực hiện các học phần tại trường. Qua đây có thể khẳng định mô hình đào tạo kỹ năng mềm ở Trường ĐHSP hiện nay khá hiệu quả, việc vận dụng cả mô hình lồng ghép và mô hình kết hợp là phù hợp. Tuy nhiên, cần tăng cường thực hành nhiều hơn các kỹ năng quản lý bản thân và các kỹ năng có tính chuyên sâu để phát huy đầy đủ các năng lực của SV Trường ĐHSPHN.

2.3.4. Đề xuất giải pháp giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường ĐHSPHN

- *Nguyên tắc:*

- Đảm bảo tính đồng bộ: Nhằm tạo ra sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo ra được môi trường giáo dục lành mạnh nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường. Chú ý đến các yếu tố tác động tham gia vào biện pháp: cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,...

- Đảm bảo tính thực tiễn: Các biện pháp được đưa ra phù hợp với thực tiễn dạy và học tại Trường ĐHSPHN và dựa trên phân tích về thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của SV.

- Đảm bảo tính khả thi: Đảm bảo biện pháp có khả năng áp dụng vào thực tiễn và đem lại hiệu quả.

- *Biện pháp cụ thể:*

- Chính sách đào tạo chú trọng phát triển kỹ năng mềm gắn với thực tiễn: Tiếp tục hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo, điều chỉnh tăng tính linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung học tập. Cùng cố, vận dụng, thực hành những kỹ năng đó trong quá trình học tập những bộ môn chính, cũng như tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Nên tổ chức những khóa học kỹ năng mềm tự chọn dựa theo nhu cầu của SV, SV cảm thấy bản thân còn yếu kém kỹ năng nào có thể đăng ký tham gia lớp rèn luyện kỹ năng đó, tạo điều kiện để SV dần hoàn thiện bản thân và tự tin hơn.

- Nâng cao năng lực đội ngũ đào tạo: Nên tăng số lượng giảng viên cơ hữu về kỹ năng mềm và phụ giảng đào tạo chất lượng chuẩn đầu ra. Khuyến khích đội ngũ giảng viên không ngừng nâng cao về chất lượng giảng dạy thông qua các đợt huấn luyện, đào tạo trong và ngoài trường. Tổ chức cho giảng viên đi thực tế, giao lưu, học tập kinh nghiệm giảng dạy từ các chương trình đào tạo kỹ năng mềm khác nhằm bồi dưỡng chuyên môn và học hỏi kinh nghiệm.

- Tạo môi trường rèn luyện kỹ năng mềm thông qua các hoạt động giáo dục đào tạo: Thường xuyên cập nhật, bổ sung các tài liệu, phương tiện phát triển kỹ năng mềm cho SV và giảng viên. Tạo môi trường để SV có cơ hội thực hành những kỹ năng mềm đã được học, biến kỹ năng đó trở thành thói quen.

- Nâng cao ý thức rèn luyện kỹ năng mềm của bản thân mỗi SV nhằm phục vụ nghề nghiệp: việc nâng cao ý thức rèn luyện kỹ năng mềm ở mỗi SV là rất quan trọng. SV cần nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm và những kỹ năng đó có thể phục vụ cho nghề nghiệp của SV sau này như thế nào bằng cách tuyên truyền qua các cuộc hội thảo, tiết học,... Khuyến khích các câu lạc bộ phát triển, đây là một trong những môi trường tốt nhất để phát triển kỹ năng mềm ở SV, giúp SV khẳng định giá trị của bản thân.

3. Kết luận

Kỹ năng mềm là hành trang cần thiết ngoài kỹ năng chuyên ngành của SV đặc biệt là đối với SV sư phạm, lực lượng lao động đặc biệt, trụ cột tương lai của nền giáo dục. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hiểu biết, quan tâm về kỹ năng mềm của SV Trường ĐHSPHN tương đối cao, SV đã có sự quan tâm nhất định và nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm tuy nhiên mức độ hiểu biết chủ yếu tập trung vào những kỹ năng cơ bản. Mức độ thường xuyên biểu hiện tốt kỹ năng mềm theo từng nhóm kỹ năng của SV không đều. Đa số SV thường xuyên biểu hiện tốt ở những kỹ năng đã được đào tạo thông qua các học phần tại Trường ĐHSPHN hoặc có điều kiện tự rèn luyện trong cuộc sống. Nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm SV là khá lớn và tập trung vào các kỹ năng mềm liên quan đến nghề nghiệp và những kỹ năng mềm chưa được rèn luyện nhiều trong quá trình học tập.

Nhìn chung, mô hình đào tạo của Trường ĐHSPHN đã mang lại hiệu quả nhất định, cần được phát triển và hoàn thiện hơn nữa. Điều này đặt ra những thách thức và nhiệm vụ quan trọng đối với lãnh đạo, giảng viên của Trường ĐHSPHN trong công tác phát triển kỹ năng mềm cho SV. Nền tảng kỹ năng mềm vững chắc chính là đòn đẩy giúp SV có thể sống trách nhiệm và cống hiến hết mình vì sự nghiệp giáo dục trong bối cảnh tương lai đầy thử thách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010. Công văn 2196 - Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- [2] <https://www.nationalsoftskills.org>.
- [3] Pereira, Orlando P, 2017. “The importance of soft skills in the university academic curriculum: The perceptions of the students in the new society of knowledge”. *International Journal of Business and Social Research*, DOI: 10.18533/ijbsr.v7i6.1052
- [4] R. de Villiers, 2010. “The incorporation of soft skills into accounting curricula: preparing accounting graduates for their unpredictable futures”. *Meditari Accountancy Research*, Vol.18 No.2, pp.1-22.
- [5] Fernandes P.R.d.S.; Jardim, J.; Lopes, M.C.d.S, 2021. “The Soft Skills of Special Education Teachers: Evidence from the Literature”. *Educ. Sci.*, 11, 125. <https://doi.org/10.3390/educsci11030125>
- [6] Laker, D. R., & Powell, J. L, 2010. *The difference between hard and soft skills and their relative impact on training transfer*, Human Resource Development Quarterly, 22(1), 111-122.
- [7] Ibrahim, R., Boerhannoeddin, A., & Bakare, K. K, 2017. “The effect of soft skills and training methodology on employee performance”. *European Journal of Training and Development*, 41(4), 388-406.
- [8] Kevvy, M, 2016, *Using case studies to transfer soft skills (also known as pervasive skills)*. Empirical evidence. *Meditari Accountancy Research*, 24(3), 458-474.
- [9] Rao, M. S, 2015, *Step-by-step to soft skills training*. Human Resource Management International Digest, 23(6), 34-36.
- [10] Nguyễn Phương Thảo, 2018. *Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh dưới góc nhìn của sinh viên*. Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.
- [11] Nguyễn Bá Huân, Bùi Thị Ngọc Thoa, 2018, *Nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh trường Đại học Lâm nghiệp*. Trường Đại học Lâm nghiệp.

- [12] Nhữ Thị Việt Hoa, 2013 “Bàn về các biện pháp phát triển kỹ năng mềm cho SV”. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, p. 163-167.
- [13] Huỳnh Văn Sơn, 2012. “Thực trạng một số kỹ năng mềm của sinh viên đại học sư phạm”. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*.
- [14] Nguyễn Thị Phương Nga, 2021, “Sự cần thiết của kỹ năng đối với SV ngành quản trị khách sạn: Thực tế và yêu cầu cho hoạt động đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học”. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, p78-87.

ABSTRACT

Research on the current situation and training demand of soft skills for the students of Hanoi National University of Education

Nguyen Thu Trang¹ and Nguyen Tu Linh^{*2}

¹*K68CLC, Faculty of Geography, Hanoi National University of Education*
Faculty of Geography, Hanoi National University of Education

In the context of the country's economic development and deep integration, the role of soft skills is more and more appreciated, especially for pedagogical students in general and students of Hanoi National University of Education in particular. Soft skills not only help pedagogical students in the learning process but also bring great value to the development of a teacher's career in the future. Therefore, the training and practice of soft skills are increasingly focused. Using the sociological survey method to survey 103 students of Hanoi National University of Education, mainly third and fourth years (courses 69 and 68), the report analyzed the current situation, training needs, and then proposed some solutions to improve the quality of soft skills training for pedagogical students.

Keywords: practice soft skills, soft skills for pedagogical students.